

# ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

## QUYỂN 46

### Phẩm 22: ĐỨC VƯƠNG, (Phần 2)

- Bồ-tát Lưu Ly Quang và Phật nói về nghĩa sinh, bất sinh.
- Nói về nghĩa thường, Vô thường của Bốn tướng.
- Nêu ra nghĩa Vãng sinh về cõi Bất Động.
- Nói về Niết-bàn vốn có, nêu các ví dụ trong bóng tối và bảy thứ báu v.v...

- Chỉ rõ nghĩa của năm thứ nhân: Nhân sinh, Nhân hòa hợp, Nhân trụ, Nhân tăng trưởng và nhân xa.

- Nói về nghĩa sáu Độ có khi được gọi là Ba-la-mật, có khi không được.

“Bấy giờ, Bồ-tát Lưu Ly Quang” cho đến “Cung kính đi nhiều bên phải ba vòng rồi ngồi qua một bên.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước kia, đã nói cõi nước này uế, ác, vì là lời lẽ bình thường của người giới hạnh.”

“Lúc đó, Đức Thế tôn hỏi Bồ-tát Lưu Ly Quang: “Này người thiện nam! Ông có đến hay không có đến?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên đã nói chúng thanh tịnh ở cõi nước Bất động kia, có thích đến đây hay không, mà hỏi, để xóa bỏ chấp đắm.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Không khác với Bồ-tát Tịnh Danh và Bồ-tát Văn-thù xưa kia, nhân đến, đi để nói về vô thường.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trong đạo giả danh, có kia đây, đến, đi.”

“Bồ-tát Lưu Ly bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Nếu là vô thường thì cũng không có đến.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Các pháp sinh diệt, không biết nhau. Hễ có đến thì sinh ở chỗ này, không đến thì diệt ở nơi khác. Lý sinh diệt đã ngăn cách, đều không có đến.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trong đạo giả danh nối nhau có đến có



đi, Phật pháp thì không.”

“Nếu người thấy có tánh chúng sinh” cho đến “Thường, lạc, ngã, tịnh, thì không có đến, đi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã nói các pháp không có đi, không có đến. Nay, lại nói rằng, thấy có đến, đi là điên đảo!”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Gởi gắm chúng đương thời trong đây chớ chấp tướng, rồi tỏ ra kiêu căng, ngạo mạn thấy có đến đi để nghe pháp.”

“Bạch Đức Thế tôn! Xin gác việc đó lại, nay tôi có thiện kiến muốn được phép hỏi, xin Đức Như lai chấp nhận cho.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Từ chỗ kia đến chỗ này, chính là muốn hỏi những gì mình không biết. Vì lược đáp đã xong, nên nói xin để việc đó lại.”

Phật nói: “Này người thiện nam! Tùy ý ông hỏi” cho đến “Thế nên phải chuyên tâm, nghe nhận.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Có ba ý: Một là cho phép hỏi; hai là khen pháp khó gặp; ba là răn câu hỏi của người nghe pháp.”

“Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang” cho đến “Kinh Đại Niết-bàn, được nghe chỗ chưa nghe.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Dù không có y cứ hội họp, nhưng cũng đồng một con đường. Cho nên từ xa đến đây để thưa hỏi.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã nhờ ý chỉ Phật cho phép, mới được thưa hỏi.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Câu hỏi này đồng với Phẩm Đức Vương. Chỉ nêu câu hỏi đầu, các câu hỏi khác, về sau, lại theo thể thức như vậy.”

Bấy giờ, “Đức Như lai khen: “Lành thay!” cho đến “Đó gọi là được nghe pháp chưa được nghe.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bồ-tát Lưu Ly Quang đã đến. Trong số các vị ấy, có vị đến không kịp. Vì thế, nên Phật răn, e rằng khi người đến tham dự, sẽ sinh tâm cao thấp, nên nhờ lời nói của Đại sĩ, thâm răn người khác.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Có thể hiểu như vậy, cũng tức là nghe mà không nghe.”

“Này người thiện nam! Có khi không nghe mà nghe, có khi không nghe mà không nghe, có khi nghe mà nghe.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Phật nói là Bồ-tát kia nghe, tức chứng tỏ là nghe. Lại đặt ra bốn câu hỏi để nói hết sự tốt đẹp của chỉ thú

kinh.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp trước “Có” ứng định, có thừa hỏi nghĩa là pháp hữu vi, dù “Có” mà tu đạo, tức là điều tu cho nên “Có”, đâu được bắt bẻ rằng: “Có” thì chắc chắn là “Có” ư? Đáp câu hỏi đầu xong, năm câu hỏi còn lại tự giải thích.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong bốn câu này, hai câu là pháp kín đáo, không biểu lộ, hai câu sau là lý quyết định. Có kín đáo (hồn hậu) có quyết định, đâu thể hoàn toàn chấp nhất định ư?”

Có khi không nghe mà nghe: Nếu tiếng chưa sinh. “Có” thì gọi là không nghe. Khi các “Duyên” nhóm họp ở hiện tại, đó gọi là pháp trước kia chưa nghe. Về mặt lý cũng giống như vậy. Dù không thể nghe, nhưng chẳng phải không cần giải thích để thâm nhập lý, vậy thì đâu có nói nhất định ư?

Có khi không nghe mà không nghe: Đây là hoàn toàn trở về lý quyết định.

Có khi nghe mà không nghe: Lại là câu hồn hậu. Ý hỏi ở trước là muốn cho quyết định người nghe này chẳng thể không nghe, nên ở đây nói rằng: “Nghe mà không nghe, nghĩa là âm thanh đã nghe, lui về quá khứ, thì không thể nghe lại.

Có khi nghe mà nghe: Lại quyết định Thinh giáo là pháp để nghe. Nghĩa là âm thanh trước cũng sinh ở nhĩ thức, âm thanh sau cũng sinh ở tai nghe.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chính là đáp câu hỏi. Bốn câu này đều an trí lên trên Niết-bàn. Đầu tiên không nghe mà nghe: Không nghe nghĩa là Niết-bàn. Vì chưa có cơ cảm nên gọi là “Không nghe”. Ngày nay, duyên phát ra thì nghe, nên nói: “Xưa không nghe, nay được nghe.”

Có khi “Không nghe” mà “Không nghe”: “Không nghe” này và “Không nghe” ở trước, lời thì đồng mà ý chỉ thì khác. Trước kia là nêu thể của Niết-bàn không thể nghe. Ở đây nêu chúng sinh vì không có cơ cảm, nên không nghe được lý này.”

Lại có giải thích khác: Ở trước “Không nghe” là pháp thân diệt “Không nghe” sau là thân tượng sáu, nghĩa là pháp thân thường trú không hề có sinh, diệt. Nghe và không nghe, chỉ vì các chúng sinh mê lầm, nên thấy vậy thôi! Đây là dù nghe tức không nghe.

Có khi nghe mà không nghe: Vì chúng sinh có duyên cảm, nên một phen được nghe. Nếu lại không tiến đức, thì về sau, sẽ không còn nghe lại nữa, nên nói nghe mà không nghe.

Có khi nghe mà nghe: “Có nghe” ở đầu là vì có cảm, nên được nghe. Về sau, lại tiến đức, tức là có nghĩa được nghe lại.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là Phật khiển trách chung các câu hỏi. Thế dứt hết danh tướng, chẳng phải là pháp để nghe. Vì nhờ hội đủ duyên, nên mới được nghe danh hiệu kinh Đại Niết-bàn, nghĩa là người không nghe mà nghe.

Người không nghe, là không nghe lý Niết-bàn. Đối với người không có đức, là không có “Duyên” năng nghe.

Nghe mà không nghe: Tiếng là pháp nghe, hễ tiếng dứt thì không còn nghe lại.

Nghe mà nghe: Pháp để nghe có từ duyên, mà niệm trước, niệm sau đều có thể nghe.”

“Này người thiện nam! Như bất sinh mà sinh” cho đến “Không đến mà không đến, đến mà không đến, đến mà đến”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì nghĩa sinh dễ hiểu, nên nêu để ví dụ về nghe. Đến mà không đến cũng như vậy.”

“Bạch Đức Thế tôn! Bất sinh mà sinh là thế nào? Này người thiện nam!” cho đến “Lúc mới ra thai, đó gọi là bất sinh mà sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hữu vi là Thế đế.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Năm ấm là nhân, người tu hành là quả, nhân quả thành tựu lẫn nhau, là an trụ.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chưa ra thai là bất sinh. Ra thai là sinh, nên nói bất sinh mà sinh.”

“Thế nào là bất sinh mà bất sinh? Này người thiện nam!” cho đến “Đó gọi là bất sinh mà bất sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trong hữu vi của pháp nội không có bất sinh, là nói Niết-bàn.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước, sau tìm tướng sinh hoàn toàn không thật có.”

“Thế nào là sinh mà bất sinh?”

“Này người thiện nam! Theo Thế đế, khi chết thì gọi là sinh mà bất sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Khi chết, nghĩa là niệm sau cùng. Niệm sau là sinh, sinh là sinh quá khứ, đó là chẳng phải sinh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì xưa có, nay không, nên nói sinh nghĩa là bất sinh.”

Thế nào là sinh mà sinh?

“Này người thiện nam!” cho đến “Vì mỗi niệm thường sinh, nên

gọi là sinh mà sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Niệm trước, niệm sau nối nhau không dứt.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sinh sinh không dứt là tướng của phàm phu.”

“Bồ-tát bốn trụ gọi là sinh mà bất sinh. Vì sao? Vì sinh tự tại, nên đó gọi là sinh mà bất sinh, là pháp bên trong.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ba trụ kiến đế, kiết đã hết. Bốn trụ, cõi Dục tư duy, kiết dứt hết, sinh vào cõi Dục. Dù sinh mà bất sinh, vì sinh tự tại.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Vì sức nguyện nên sinh, chứ chẳng phải nhắm vào sinh mà sinh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bốn trụ kiến đế, dứt hết phiền não, nên sinh là hiện sinh, chứ chẳng phải nghiệp sinh thật sự.”

“Thế nào là pháp bên ngoài là chưa sinh mà sinh, chưa sinh mà chưa sinh, sinh mà chưa sinh, sinh mà sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sở dĩ trước kia nói “Không”, mà ở đây nói chưa”, là vì pháp bên trong có Niết-bàn, được phép gọi là “Không”, vì pháp bên ngoài không có Niết-bàn, nên nói là “Chưa”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Về nghĩa giống như ở trước, nhưng chưa sinh mà chưa sinh, nên nói: “Bất sinh mà sinh, sinh là dễ dàng.”

“Này người thiện nam! Ví như hạt giống lúc chưa nảy mầm” cho đến “đó gọi là pháp bên ngoài sinh mà sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã tăng trưởng thân sau cùng, đó gọi là mọc mầm, quá thì không phải mầm, vì mầm là chưa sinh. Như mầm lớn lên, nghĩa là mầm đang mọc ra, chưa lớn lên. Đó gọi là “Sinh” mà sinh.”

“Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang” cho đến “Là thường hay vô thường?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã nói Thế đế, sinh là sinh giả, nhưng người ngoài chấp bốn tướng, cho rằng sinh là pháp thật. Nay để phá chấp ngang trái của họ, bèn cho lập ra nghĩa sinh giả. Thế nên hỏi gồm có sáu câu.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lại lập ra sáu câu hỏi, cũng thành sáu câu hỏi trước. Trước kia Đức Như lai dùng bốn câu để giải thích. Câu đầu, hỏi về “Không nghe”, mượn sinh để so sánh với “Nghe”. Nay, dời “Nghe” qua câu hỏi “Sinh”. Nếu đối với nghĩa “Sinh” có chấp đắm, thì nghĩa nghe cũng bị bí lấp. Nếu đối với nghĩa sinh được giải thích suốt qua thì chỉ thú nghe cũng được giải thích. Ở đây có ba câu đối nhau

thành sáu. Trước đã hỏi về tướng “Sinh”, chẳng thể sinh ra pháp. Đã bất sinh ra pháp thì tất nhiên pháp không thể sinh. Cũng là chấp nhất định, trở thành ý trước. Hai câu hỏi giữa là hỏi mình và người, hai câu hỏi sau là hỏi về hữu và vô. Xét ra câu hỏi này cứ nối tiếp trùng lặp nhau, vì trước đây Đức Phật đã giải thích về pháp “Chưa sinh” là vô vì thấy ở nhân duyên giả “Sinh”. Phải biết rằng về lý, “Không nghe” vì giả nói nên nghe. Để nối tiếp với lời nói trước kia, nên Bồ-tát Lưu Ly Quang mới đặt ra câu hỏi.

Nay, trước là câu hỏi về thể của “Sinh”: Nếu sinh là thường, thì trước mở ra hai câu hỏi: “Nghe” và “Không nghe”. Nói về tướng “Sinh” nếu là thường hữu lậu, thì không nên có sinh. Vì sao? Vì “Sinh” đã là “Thường”, thì thể của pháp vô thường, hóa ra hai lý đều trái với lẽ tự nhiên. Đã nói là trái với tự nhiên, thì thể nào là “Thường”, mà sinh ra pháp “Vô thường”? đây là vì muốn làm cho hữu lậu không từ “tướng sinh”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trên đây đã nói về bốn câu sinh mà sinh..., đối với người chấp tướng thì họ cho rằng, ngoài pháp hữu lậu, còn có một tướng sinh riêng, đó là pháp hữu lậu sẽ khởi trong “Sinh” ở vị lai.

Nay, Bồ-tát Lưu Ly Quang mới nêu lên câu hỏi, để cho đại chúng đều được hội thông ý chỉ của Phật: Nếu nói theo lý luận thì ngay khi pháp khởi, gọi là pháp “Sinh”, lúc không có gọi là “Diệt”. Không chỉ có tướng sinh là pháp sinh ở vị lai.

Ý hỏi của Bồ-tát đã như vậy thì sau đây sẽ y theo việc đến, nhằm tạo ra câu hỏi về ba quan điểm:

1. Câu hỏi mở ra hai quan điểm, tức thành sáu lớp. Y theo một quan điểm, trước quyết định, sau là kết hỏi. Quyết định quan điểm đầu là “Nếu pháp hữu lậu có sinh, thì là “Thường” nên có thể sinh, hay vì vô thường nên có thể sinh trở xuống, tức là kết hỏi rằng: “Nếu “Sinh” là pháp hữu lậu “Thường” thì sẽ không có sinh. Nếu có riêng một tướng sinh là thường mà sinh ra pháp, thì pháp sinh ra đó lẽ ra cũng từ tướng sinh đều là thường? Mà hiện nay, hiện thấy pháp hữu lậu, niệm niệm vô thường. Vì thế nên biết rằng pháp này không có tướng sinh của vô thường, tức là pháp hữu lậu không có tướng sinh. Cho nên nói pháp hữu lậu thì không có sinh.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Hai câu đầu đặt ra câu hỏi về thường, Vô thường, là vì muốn cho “Thường” thì vắng lặng không dao động, vì không có năng lực của công dụng, nên đâu thể sinh ra pháp ư? Vô

thường thì thể không tự lập, năng lực bất cập, pháp cũng không thể sinh ra thứ khác.

Hai câu kế là, tạo nên câu hỏi về tự sinh, sinh ra cái khác. Đầu tiên nói về “Sinh” là lý của pháp không tự sinh. Nếu sinh ra pháp khác là sinh thì Niết-bàn vô lậu sẽ chẳng phải tướng “Sinh”, tức là đối với sinh là cái khác, thì vì sao lại không thể sinh ra cái khác này ư? Tất nhiên là không thể, nên biết tướng sinh, sinh ra cái khác là “Sinh”. Về nghĩa thì không đúng!

Kế là lại có hai câu y theo “Vốn hữu”, “Vốn vô” để đặt ra câu hỏi: Nếu “Sinh” là pháp đã “Hữu”, thì sẽ không cần sinh nữa. Nếu “Sinh” là pháp vô, thì lẽ ra có thể làm cho hư không trở thành hữu. Nếu sinh là pháp hữu lậu thường thì sẽ không có sinh.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì sinh khởi ngang trái cho nên có sinh, nếu sinh là thường, thì sẽ không được sinh ra hữu lậu. Hữu lậu không có sinh thì đâu có khởi?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu thứ nhất lấy “Xưa không nay có” làm “Sinh”: Nếu hữu lậu chẳng sinh thì chẳng phải hữu lậu. Hữu lậu sinh khởi ngang trái, đó gọi là “Sinh”. Vì vô lậu bất sinh khởi ngang trái, nên chẳng phải “Sinh”.

Tánh vô thường lúc sinh liền diệt. Sinh ra liền diệt thì không thể sinh ra muôn vật, tức là hữu lậu vô “Sinh”, vô sinh tức là “Thường” cũng chẳng phải hữu lậu.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu pháp không do tướng sinh sinh ra, thì pháp hữu lậu sẽ không có tướng sinh. Nếu không có tướng sinh, thì chẳng phải hữu lậu.”

“Nếu sinh là vô thường, thì hữu lậu là thường.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Dù được sinh là hữu lậu, mà vô thường vẫn còn, còn “Sinh” thì không ở hữu lậu, nên hữu lậu là thường.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là câu thứ hai.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu không bị lựa chọn bởi ba tướng thì pháp hữu lậu lẽ ra là thường.”

“Bạch Đức Thế tôn! Nếu “Sinh” có khả năng tự sinh, thì “Sinh” sẽ không có tự tánh.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nếu “Sinh” biến thành đối tượng sinh (sở sinh) thì sẽ không còn tự tánh!”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là câu thứ ba, “Sinh” không có tự tánh, nghĩa là nếu tự sinh thì một thể sẽ có hai: Một là chủ thể sinh, hai là thọ sinh, mà đã thọ thì không phải chủ thể sinh, chủ thể sinh thì không



phải thọ, mất đi tánh chất của “Sinh” kia.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Cũng nên hỏi về quyết định trước, nên hỏi rằng: “Vì là tự tánh của “Sinh” này có công năng sinh ra các pháp, hay vì nhân duyên có công năng sinh ư?” nay sẽ liên hệ đến quyết định này.”

“Nếu “Sinh” có công năng sinh ra cái khác, thì vì sao bất sinh ra vô lậu?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đây là câu thứ tư: Vô lậu đối với hữu lậu là “Khác”. Nếu có công năng sinh ra cái khác, thì lẽ ra cũng có khả năng sinh ra công năng của vô lậu?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thập địa vô lậu, chẳng phải không bắt đầu xuất phát từ duyên. Cho nên không nói theo vô lậu này, mà chính là do ở diệu thể của thân mình đó thôi! Diệu thể nấy dứt hẳn hữu, vô không từ nhân sinh, đâu chẳng phải là chân thiện ư?”

“Bạch Đức Thế tôn! Nếu lúc chưa sinh mà đã có sinh, thì đâu cần nay mới gọi là “Sinh”?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Sáng sớm lẽ ra gọi là “Sinh”, nay, sao lại là chiều ư?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là câu thứ năm: “Nếu lúc chưa sinh, đã có pháp thì pháp có này được gọi là sinh, sao nay mới gọi là sinh ư? Pháp sư Tăng Tông nói: Câu hỏi này khiến cho pháp không từ tướng sanh mà sanh.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Cũng nên quyết định trước, đây là mối quan hệ lúc đầu, nghĩa là nếu trước đã được tên “Sinh” rồi, thì vì sao đến thời gian sau mới gọi là “Sinh” ư?”

“Nếu lúc chưa sinh mà không có “Sinh”, thì vì sao chẳng nói hư không là “Sinh”?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Hư không cũng vốn là không.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu thứ sáu: “Chưa sinh là không có pháp, hư không cũng là “Vô”. Nếu sinh vào chỗ “Vô”, thì vì sao chẳng nói hư không là “Sinh”?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu pháp hữu vi vốn ở bên cạnh vô tướng và lực, thì khi hữu vi kia khởi thì lực này cũng khởi, hữu vi kia diệt, lực này cũng diệt theo, chính là đều cùng lúc đó mà thôi, đâu thể sinh ra pháp? Nếu đều không có tướng và lực mà được sinh ra pháp hữu vi, thì vì sao chẳng nói hư không là “Sinh”?”

“Phật nói: Lành thay lành thay! “Này người thiện nam! Bất sinh mà sinh, không thể nói được.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đây là Phật đáp câu hỏi thứ sáu.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ sáu ở trước: “Sinh” là giả gọi, không thể nói nhất định. Bất sinh là không có, mà sinh có thể sinh ra, “Không có” cũng không thể nói nhất định.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước đáp câu hỏi thứ sáu: “Bất sinh tức là hư không. Muốn làm cho hư bất sinh, nghĩa là không thể nói.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Về sau, nói về bảy thứ chương môn. Dưới đây tự giải thích theo thứ lớp: Sáu câu đầu tạo ra câu đáp không nhất định. Một câu sau, là nói về nhân duyên, nên được “Sinh”.

“Bất sinh mà sinh chẳng thể nói”: Câu thứ nhất nói không có tánh nhất định “Bất sinh”, cũng không có tánh nhất định “Sinh”, thì làm sao có thể nói nhất định được ư?”

“Sinh mà sinh cũng không thể nói.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đáp câu hỏi thứ năm.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Câu thứ năm: sinh đã là có, có rồi lại sinh, cũng không thể nói nhất định.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Kế là đáp câu hỏi thứ năm: “Không thể nói pháp sinh rồi sinh, vì có lỗi sinh lại.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Cũng không có tánh nhất định sinh, cho nên không thể nói.”

“Sinh mà bất sinh cũng không thể nói.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nói về câu hỏi thứ sáu.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hai câu trên nói về pháp sinh hữu, vô. Đây là nói tướng sanh có công năng sanh ra hữu vô. Bất sinh là vô, mà “Sinh” có thể sinh cái vô, nên không thể nhất định.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Tinh người xoay vần sinh nghi: Nếu không có đã sinh, nên sinh ở vị lai, thì tức là sinh ở chỗ không thể sinh ấy ư? Nay, nói cũng không thể nói như thế.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì cũng không có tánh nhất định sinh, nhất định bất sinh, nên không thể nói.”

“Bất sinh mà bất sinh, cũng không thể nói.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nói về câu hỏi thứ năm.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu “Bất sinh” là vô, thì cũng không thể nhất định.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trái ý của Phật. Người mê lầm lại cho rằng” nếu đáp như trên thì tức là người có sinh tự sinh, người không thể sinh, thì tự bất sinh”. Nay nói: Cũng không thể nói như thế. Pháp sư Bảo Lượng nói: Cũng không nhất định là bất sinh, vì nhất định bất sanh nên

nói “Do tu đạo mà được, nên không thể nhất định.”

“Sinh cũng không thể nói.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Lại có sinh, bất sinh, nay là bỏ chúng cũng không thể được.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lìa ngoài pháp, có tướng sinh riêng, cũng không thể nói nhất định.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Không còn khiển trách “Hoặc”. Ở đây, khiển trách riêng thể của “Sinh” thôi. Mượn “Sinh” để dứt trừ “Chẳng sinh”, đâu thể “Sinh” được ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bốn câu trước là dứt một chấp, không thể cho rằng có tánh nhất định. Nay, hai câu thứ năm, thứ sáu, dứt thẳng tướng “Sinh”, không thể nói lìa ngoài pháp có một tướng “Sinh” riêng.

“Bất sinh cũng chẳng thể nói.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Trước đã lìa “Sinh”, nay là “Bất sinh”.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu pháp không có tướng “Sinh” thì cũng không thể nói nhất định. Sáu câu này đáp chung hai câu sau.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Sinh” vốn đối lập với “Bất sinh”. “Sinh” đã không thật có thì đâu có “Bất sinh” để được ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Cũng không thể nhất định nói là ngoài pháp, vì nếu không có tướng “Sinh” riêng thì tức làm cho thể của pháp không còn được sinh.”

“Vì có nhân duyên thì cũng có thể nói được.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nhân duyên, nghĩa là với người khác. Nhân dù không tự sinh, mà có nghĩa sinh ra cái khác, đáp câu hỏi thứ tư, thứ ba. “Sinh” là sinh cái khác, chẳng sinh ra vô lậu. Sau, lại đáp riêng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Khiển trách khá khéo léo. Lúc chuyển nhập Đệ nhất nghĩa đế, vì tình mê muộn, nên nói là có nhân duyên.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sáu câu trên nói không nhất định. Câu thứ bảy này nói vì duyên hợp nên “Sinh”, không hợp thì sẽ “Bất sinh”.”

“Thế nào là bất sinh mà sinh không thể nói” cho đến “Vì sao cho là sinh?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Giải thích đáp bảy câu của ba lời hỏi. Đã nói là “Bất sinh” mà nói sinh, tức là “Bất sinh” là sinh.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sinh” gọi là khởi. “Bất sinh” thì không khởi. Nếu gọi là “Sinh” thì tức là khởi.

“Không khởi là khởi thì đâu thể nói ư?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Giải thích lại lý do, thế nào là hoàn toàn đều vô mà bỗng nhiên được sinh? Nên biết có lý để sinh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bất sinh”: Mà nay sinh làm sao nói “Sinh” nhất định là sinh, “Bất sinh” nhất định là “Bất sinh” ư?”

“Thế nào là sinh mà sinh, không thể nói? Vì sinh mà sinh nên “Sinh”, vì sinh mà sinh nên “Bất sinh”, cũng không thể nói.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nếu “Sinh” trước là sinh thì nay không nên lại sinh.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì “Sinh” mà sinh, nên “Sinh”, nghĩa là trước nhất định gọi là “Sinh” mà sinh, cho rằng vì “Sinh” mà sinh, nên “Sinh” mà sinh.”

Vì “sinh” nên “Bất sinh”: Vì “Sinh” nên trước sinh, vì “Bất sinh” nên sinh sau. Vì trước “Sinh” mà sinh, nên “Sinh sau” bất sinh.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Người hỏi muốn làm cho pháp đã có ở vị lai và sinh ở thời gian hiện tại. Nay, nói vì sinh nên bất sinh, nghĩa là vị lai bất sinh.

Vì sinh mà sinh nên “Sinh”, nghĩa là hiện tại có sinh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì “Sinh” mà sinh nên sinh”, nghĩa là một câu này đã được lập phần vị từ trước. Phạm phu vì sinh sinh nối tiếp nhau, nên gọi là tác sinh. “Sinh” cũng không có tánh nhất định.

Dưới đây là nói: “Vì “Sinh” nên “Bất sinh”, nghĩa là vì thân nên có tên, đâu có chỗ nào có tánh “Sinh” nhất định?”

Thế nào là sinh mà bất sinh, chẳng thể nói?” cho đến “Vì sinh không tự tại, nên không thể nói.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: ““Sinh” tức gọi là sinh: Trước đã nhất định gọi là “Sinh”. Sinh sinh không tự tại: Tất nhiên “Sinh” là pháp có thể sinh. “Bất sinh” là pháp bất sinh.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Cái vô của vị lai vì khác với sừng thỏ, nên nói rằng “Sinh” tức gọi là sinh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì nhân duyên hòa hợp, nên gọi là “Sinh”, nhân duyên không nhóm hợp thì gọi là “Bất sinh”.”

Thế nào là bất sinh là bất sinh không thể nói?” cho đến “Vì sao? Vì nhờ tu đạo mà được.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì Niết-bàn bất sinh nên không thể nói, nghĩa là vì học được, nên gọi là sinh.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Pháp bất sinh không gì hơn Niết-bàn, còn do tu đạo mà được, há cho rằng “Bất sinh” đều là bất sinh ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Muôn điều lành đầy đủ thì được Niết-

bàn, đâu có nói nhất định?”

“Thế nào là “sinh” cũng không thể nói? Vì “Sinh” là vô.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Quả pháp tuy có mà sanh thì vô.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Bốn câu trên là đáp câu hỏi, dứt chấp đã xong. Nay dứt thẳng thể của “Sinh”.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Khiển trách riêng về tướng “Sinh”.

Thế nào là “Bất sinh” không thể nói? Vì có chứng đắc”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Có được thì có làm, có làm tức là sinh”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu nhất định có “Bất sinh” để nói thì sẽ không bao giờ có sinh”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hữu vi thì sinh, làm sao nói nhất định được?”

“Thế nào là vì có nhân duyên, nên cũng có thể nói được” cho đến “Do nghĩa này cũng có thể nói được”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Làm tác nhân cho sinh, nghĩa là vô minh” cho đến “Hữu”, mười pháp này làm nhân tạo tác cho sinh”, nghĩa là sinh “Cái khác”, không tự sinh.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong đạo Thế đế, làm nhân tạo tác cho “Sinh”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu mười nhân trước dứt mất, kế sinh pháp khởi, thì gọi là “Tác sinh” nên được gọi là “Sinh”.

“Này người thiện nam! Nay ông chớ nhập không định sâu xa, vì đại chúng căn tánh chậm lụt”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không định rất sâu, tìm tướng của pháp định, thì chẳng phải sâu”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Vì ngăn ý trước kia, nên nói “chớ nhập không định”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Các thuyết đã nói trên đây, đều được dùng hữu để bàn về lý, lại là lời nói thử, chớ cho rằng y theo định này mà nói”.

“Này người thiện nam! Pháp hữu vi sinh cũng là thường. Do “Trụ” vô thường, nên “Sinh” cũng vô thường”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đáp câu hỏi về thường, vô thường. Vì hữu vi nối nhau mà thường, nên nói “Sinh cũng thường”.

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp hai câu đầu. Hữu vi, là tên gọi của hữu lậu. Nói về pháp hữu vi sinh diệt của hữu lậu kia, từ đó mà khởi sinh. Vì nối nhau nên “Trụ”, vì thay đổi nên “Di” vì giảm bớt nên hoại,

diệt. Bốn tướng cùng lúc hiện tại, pháp khởi là hữu, nên thường do lúc khởi, có trụ, lấy sinh nối nhau diệt làm “Trụ” vô thường, nên “Sinh” là vô thường”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Chẳng phải hoàn toàn là thường, cũng chẳng phải hoàn toàn là vô thường, vì thường, vô thường nên được pháp “Sinh”. Vì sinh sinh nối nhau, nên gọi là thường.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ngoài pháp không có tướng sinh riêng, chỉ thích hợp với phần vị của sinh không thay đổi, cũng được gọi là thường. Vì “Trụ” cách biệt với vị lai, nên gọi là vô thường. Bốn tướng thích hợp với nghĩa phần vị đều giống như vậy.”

“Trụ” cũng là thường. Vì sinh sinh nên “Trụ” cũng vô thường.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trụ cũng là “Có”, “Có” cũng là thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Do pháp thay đổi, nên gọi là “Dị”. Vì pháp vô thường, nên Dị cũng phải như vậy.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Cũng nên giống với câu trước rằng: “Dị cũng là thường. Do hoại vô thường, nên Dị cũng vô thường. Đây là lẫn lộn với văn kia.

Nay, nêu pháp: Chỉ bày đối tượng sinh (sở sinh), chủ thể sinh (năng sinh) đồng là hữu vi. Lại, trước có nói: “Nếu sinh vô thường thì hữu lậu là thường.” Vì y cứ tương quan trong lời nói, nên một câu này nói về pháp cũng là vô thường.

“Hoại cũng là thường. Do trước “Vô mà” nay hữu nên” cho đến “Vì có thể dứt, diệt nên gọi là vô thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chánh pháp sẽ diệt mất vào. Thể của đầu, cuối đã mãn, được tên gọi. Cái “Có” ở đây. Vì xưa vô, nay hữu nên là vô thường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Tánh chất của xưa vô, nay hữu, nghĩa ấy không thường. Thế nên hư hoại, hư hoại cũng vô thường!”

“Này người thiện nam! Pháp hữu lậu khi chưa sinh” cho đến “Lúc cha mẹ hòa hợp thì có “Sinh”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lúc chưa sinh đã có tánh chất của “Sinh”: Tạo ra điều xấu ác là ngang trái, tất nhiên sẽ phải vời lấy quả báo ngang trái. Khi chưa sinh đã có lý “Sinh”. Tánh lành không ngang trái, không chiêu cảm quả báo ngang trái, đó là lý vô sinh vô lậu.” Đây là đáp câu “Vô lậu bất sinh” nói ở trên.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ở trên nói: “Vì sao bất sinh diệt để vô lậu?” Nay nói Diệt để không thể vì tướng mà sinh, chính là do liễu nhân

chiêu cảm!”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giải thích câu thứ ba trở xuống, là bốn câu hỏi.”

“Bấy giờ, Bồ-tát Lưu Ly Quang” cho đến lại muốn thưa hỏi, cúi mong Phật cho phép.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhận hiểu và vì Bồ-tát Vô úy thưa hỏi.”

“Đức Thế tôn bảo Bồ-tát Vô úy” cho đến “Trí nhạy bén, danh lợi có thể hiểu.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hỏi có hai ý:

1. Do nghiệp nào mà được sinh về cõi nước thanh tịnh?”

2. Hỏi: “Các Bồ-tát ấy do nghiệp gì mà có oai đức lớn này?”

Bấy giờ, “Đức Thế tôn liền nói kệ rằng:” cho đến “Tạng bí mật của Phật, thì sinh về cõi Bất Động.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đức Thế tôn Mãn Nguyệt sở dĩ không đáp câu hỏi của Bồ-tát Vô úy là vì sự hiện diện của tám muôn bốn ngàn người ở đây, hễ nghe thì liền tỏ ngộ thì làm sao không đợi Phật giải thích mà tự hiểu được. Bồ-tát ở cõi nước Bất Động lấy hổ thẹn vì sự ngu mê, chậm lụt của đại chúng, nên quyết nguyện sinh về cõi nước thanh tịnh, đó là lý do khiến Bồ-tát Lưu Ly Quang thưa hỏi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Gồm hai mươi một hàng kệ, nói tu mười điều lành, bỏ mười việc ác, nên được sinh về cõi nước thanh tịnh kia”. Trước là đáp câu hỏi thứ nhất.”

“Bấy giờ, Đại Bồ-tát Vô Úy” cho đến “Nghiệp duyên đã gây ra, sẽ được sinh về cõi nước kia.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhận hiểu.”

“Bạch Đức Thế tôn! Bồ-tát Quang Minh Biến chiếu Cao Quý Đức Vương này” cho đến “Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già... .”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chính mình chưa tỏ ngộ, do thứ lớp thỉnh pháp nên vì chúng thỉnh lần nữa.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Bồ-tát Vô úy lại dùng câu hỏi của Bồ-tát Đức Vương để xin Phật đáp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sở dĩ xin Phật giải đáp câu hỏi: “Đến mà không đến” trước kia của Bồ-tát Đức Vương, là để khiến trách câu hỏi sau của Bồ-tát Vô úy. Về nghĩa sẽ được biểu hiện như dưới đây.”

Bấy giờ, Đức Thế tôn liền bảo Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu” cho đến “Vì sao không đến mà đến?”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sẽ giải thích theo thứ lớp trong văn

dưới đây:”

Này người thiện nam! Nói về không đến, nghĩa là Đại Niết-bàn này” cho đến “Vì nhân duyên phiền não, nên nói đến mà đến.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hạng căn tánh chậm lụt, mới chẳng phải một phen nghe qua, mà phải giải thích lặp đi lặp lại nhiều lần, họ mới hiểu.”

Ở trên dùng “Đảo” “Không đảo” để dụ cho “Nghe” “Không nghe”. Giờ đây trước, giải thích về dụ cho đó:”

“Này người thiện nam! Nghe chỗ không nghe, cũng giống như vậy” cho đến “Do nghĩa này, nên nói là không nghe mà nghe.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã dùng giải thích ví dụ hợp lại bốn câu: Như nghe v.v... . Bốn câu này ở trong sáu câu hỏi. Đáp câu hỏi đầu, gồm đáp các câu hỏi thứ hai, thứ ba và thứ tư.

Không nghe mà nghe: Giải thích câu hỏi thứ hai, nhân kinh Niết- bàn nghe chỗ không nghe.

Giải thích câu hỏi thứ ba, thứ tư về danh, tự có thể nghe. Giải thích hai câu hỏi thứ năm, thứ sáu, vì chẳng phải hữu vi, cho đến “Vì không nói”. Vì ba pháp này chẳng phải âm thanh, nên không thể nghe. Bất-nhã dứt bật các tướng, nên không thể nói hữu, nói vô. Vì pháp thân không có hình tướng cố định, không thể dùng cái thấy của trời, người mà thấy được. Cho nên Niết-bàn không thể nói.

Vì được nghe Danh nên dù thân, trí không có tên gọi nhất định, bốn danh không thể nói khác. Các danh từ thường, lạc có thể nghe.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giải thích nghĩa đã xong. Cho nên lại nêu câu: “Nghe mà có nghe..., là để kết luận, làm gốc cho thuyết sau.” “Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật”

cho đến “Sao lại nói là thường, lạc, ngã, tịnh?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Câu hỏi thứ nhất: “Nếu dứt được phiền não, thì lẽ ra là vô thường?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nhờ âm thanh mới có câu hỏi này. Gồm có sáu câu hỏi, đây là câu hỏi thứ nhất, nêu trước kia vô mà nay hữu để làm câu hỏi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu trước “Không” mà nay “Có”, thì làm sao gọi là thường được?”

Lại nữa, bạch Đức Thế tôn! Do trang nghiêm” cho đến “Vì thành tựu nhân duyên Niết-bàn, nên gọi là vô thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Câu hỏi thứ hai: “Do trang nghiêm mà được, cũng là vô thường.”



Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thế gian do trang nghiêm mà thành. Nếu bảo rằng Niết-bàn cũng nhờ dùng muôn hạnh để trang nghiêm, thì sao được gọi là thường?”

Lại nữa, Bạch Đức Thế tôn! “Có” cái gọi là vô thường” cho đến “Do nghĩa này, nên gọi là vô thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Câu hỏi thứ ba, “Nếu là cái có thể được thì tức là vô thường.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hễ “Có” pháp thì đều là vô thường. Trước kia, Phật nói: “Nếu bậc Thánh Ba thừa đều “Có” Niết-bàn.” Thì do nghĩa này, nên lẽ ra là vô thường!”

Lại nữa, “Bạch Đức Thế tôn! Pháp có thể thấy” cho đến “Thì sẽ dứt được tất cả phiền não.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Câu hỏi thứ tư: “Vì có thể thấy, cho nên là vô thường.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu thấy Niết-bàn mà dứt phiền não, thì không chấp nhận là Thường được.”

Lại nữa, “Bạch Đức Thế tôn! Ví như biết hư không” cho đến “Nếu không như vậy, thì làm sao gọi là Thường?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Câu hỏi thứ năm: “Vì không có chung, tức là vô thường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đã không bình đẳng, thì làm sao nói là Thường được?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu là thường thì đáng lẽ như hư không mới phải, đằng này vì còn có cái được, không được, thành ra không nên Thường.”

“Ví như có người cung kính cúng dường” cho đến “Như cái “Không có” của danh kia, làm sao nói được?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Câu hỏi thứ sáu: “Vì có danh nên vô thường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Vì không khởi danh, nên biết là vô thường.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu có sự khác nhau giữa thường, lạc, ngã, tịnh, thì cũng không được gọi là thường.”

“Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo Quang Minh Biến Chiếu” cho đến “Chẳng phải trước “Không” mà nay “Có”, cho nên là Thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ nhất: “Niết-bàn chẳng phải vốn có: Niết-bàn lấy tánh diệt làm nhân. Thân, trí lấy diệt nối nhau làm nhân. Nhân chẳng phải vốn “Không”, nên quả chẳng phải

vốn có. “Có” làm nhân là “Vô thường”, thì quả cũng vô thường. Nhân vô vi là thường, thì quả cũng thường. Pháp mà Chư Phật tôn làm thầy, vì pháp thường nên Chư Phật là thường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ở trước có sáu câu hỏi, nay chỉ đáp bốn. Còn lại hai câu hỏi sau, vì thô cạn, nên hật không đáp. Ở đây Phật giải đáp câu hỏi đầu: “Niết-bàn chẳng phải trước không, mà nay có.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chẳng phải xưa “Không” mà nay “Có”, nghĩa là vì sinh, tử nương vào Như lai tạng, nên nghĩa của một nhà nói rằng: “Thần minh là tánh của sự nghĩ biết, chỉ vì mê lầm đối với “Duyên”, nên khởi lên sinh tử! Nếu lìa duyên, phát sinh kiến giải, thì bản chất giả dối sẽ bị tiêu diệt, lý chân thật thường tồn tại, sẽ có nhiều công dụng của muôn đức!”

“Này người thiện nam! Như cái giếng trong ngôi nhà u tối” cho đến “chẳng nên nói trước không mà nay có.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì bị vô minh che lấp, nên không thấy, chứ chẳng phải nói trước không mà nay “Có.”

“Này người thiện nam! Ông vừa nói rằng, vì do trang nghiêm” cho đến “Do tự trang nghiêm, sau đó mới thấy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ hai: “Không có nơi chốn phiền não là Niết-bàn chân thật, nơi chốn này vắng lặng, không thể trang nghiêm. Ông tự trang nghiêm để mong cầu thôi, chứ chẳng phải trang nghiêm Niết-bàn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì dứt bỏ chướng ngại, nên chân được sáng tỏ. Chẳng phải khi mê hoặc dứt hết rồi mới có chân sinh ra.”

“Này người thiện nam! Ví như dưới lòng đất có mạch nước với tám mùi vị” cho đến “Thì Niết-bàn sẽ được cũng như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ ba.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nước trong lòng đất, vì người không biết, nên cho là không có. Đào xuyên qua đất, thì sẽ thấy có nước, há cho rằng nước mới có ư? Chân thể Niết-bàn, do tu điều lành mà có, chứ chẳng phải do nhân tạo ra, há là vô thường ư?”

Ví như người mù không thấy mặt trời, mặt trăng” cho đến “Trước đã tự “Có”, chẳng phải đến nay mới “Có”.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ tư.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói về danh từ Niết-bàn, về lý có hai đường: Một là y theo công dụng để đặt tên; hai là y theo thể tướng để làm tự. Ở đây y theo thể để biện luận. Cứ theo chân để nói về dụng thì muôn đức Niết-bàn cũng thường.”

---

“Này người thiện nam! Như người có tội bị trói, giam vào nhà tù” cho đến “Thấy lại vợ con quyền thuộc, Niết-bàn cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ năm.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Câu hỏi thứ năm. Dù dẫn ba thí dụ, ở đây một câu đáp này, cũng giải thích chung. Như người đời kia, nếu biết cung kính, cẩn trọng thì thường an ổn, còn hành động ngang trái thì chắc chắn sẽ rơi vào lưới, mà cha mẹ thì thường tự vốn có, chỉ vì chúng sinh sinh tử điên đảo, đâu phải Niết-bàn mới có ư?”

“Này người thiện nam! Ông nói vì nhân duyên” cho đến “Mới được gọi là nhân của Đại Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã đáp riêng xong. Lại, giải thích về nhân Niết-bàn. Vì Niết-bàn là Liễu nhân, chẳng phải tác nhân, nên thuộc về thường.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lại nêu câu hỏi thứ hai để giải thích lại. Ở trước nói: Chẳng phải do trang nghiêm mà thành”. Nay nói: “Từ liễu nhân mà hiện, không từ nhân tố sinh mà sinh.”

“Bấy giờ, Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương” cho đến “Đây là Niết-bàn, đây là Đại Niết-bàn?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tu kinh thấy “Không”, hội thông hai Đế, được thành sáu Độ, đây là Đản, đây là Ba-la-mật, nghĩa là thấy Đế nhất nghĩa, tức là thấy Thế đế.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bồ-tát Đức Vương do giải thích này nên lại đặt ra hai câu hỏi:

1. Thế nào là thực hành sáu độ, gọi Ba-la-mật mà có người không được danh.

2. Thế nào là Niết-bàn? Thế nào là Đại Niết-bàn?”

“Này người thiện nam! Thế nào là bố thí mà chẳng phải Ba-la-mật” cho đến “Như trong kinh Tạp Hoa, Phật có nói rộng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chính là đáp câu hỏi đầu tiên. Nói về hạnh, thể của hạnh, thì phải quên hoài bảo. Nếu thấy có công hạnh để thực hành, thì sẽ thành phân biệt. Là vì Bồ-tát chỉ dụng tâm mà được việc, nên không thấy có chủ thể thí và đối tượng thí. Không thấy có công hạnh để thực hành, nên bố thí rộng lớn. Tu nhân, chứng quả, không trái với Trung đạo. Nếu được như thế, thì gọi là Ba-la-mật. Sở dĩ như thế, là do Bồ-tát quên ba Đạt, các pháp luống dối. Không thấy có người cho, kẻ nhận. Nhất tướng vô tánh, nếu không có “Giải không” này, thì sẽ không được gọi là Ba-la-mật. Cho nên kinh nói: “Thấy có người xin, sau đó mới cho, thì sự bố thí này chẳng phải là Ba-la-mật.”